

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ DỊCH VỤ XÂY DỰNG BẢO TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ DỊCH VỤ XÂY DỰNG BẢO TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108640051

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 42, Ngõ 3, Đường Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986896486

Fax:

Email: bao.tin@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 2.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                  | 7830        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                   | 4101(Chính) |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                             | 4102        |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                         | 2599        |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                    | 4690        |
| 8.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4753        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                          | 8230        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592        |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                       | 4211        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                            | 7320        |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                        | 4212        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2432 |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610 |
| 19. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3319 |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310 |
| 23. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                    | 7810 |
| 24. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7820 |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sắt, thép xây dựng;<br>- Bán lẻ vật liệu xây dựng khác                                                                                                                                                                                             | 4752 |
| 27. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2420 |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2511 |
| 29. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2512 |
| 30. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2591 |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293 |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 34. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn nhựa và sản phẩm từ nhựa | 4669 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773 |
| 36. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322 |

|     |                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                       | 4659 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                | 4653 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                        | 4329 |
| 41. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                              | 2410 |
| 42. | Đúc sắt, thép                                                                                         | 2431 |
| 43. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                              | 2513 |
| 44. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                | 3311 |
| 45. | Xây dựng công trình điện                                                                              | 4221 |
| 46. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                    | 4223 |
| 47. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                     | 4229 |
| 48. | Xây dựng công trình thủy                                                                              | 4291 |
| 49. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                       | 4292 |
| 50. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                            | 4299 |
| 51. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                     | 4312 |
| 52. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                 | 4321 |
| 53. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ các loại nhà nước cấm) | 4620 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯƠNG KHẮC TUÂN | Thôn Ao Tào, Xã Cương Chính, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                  | 1.000.000.000         | 50,000    | 033084006367                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHẠM THỊ HỒNG   | Thôn An Thị, Xã Yên Bình, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                       | 1.000.000.000         | 50,000    | 036190000553                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LƯƠNG KHẮC TUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/03/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033084006367*

Ngày cấp: *27/02/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Ao Tào, Xã Cương Chính, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 42, Ngõ 3, Đường Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*